TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2019/HS-PT
Ngày 25-6-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội Đ xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Hiển
Các thẩm phán: Ông Đặng Minh Tuân
Bà Nguyễn Thị Lan Phương

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thúy Quỳnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa*:* Bà Đinh Thị Thu Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 37/2019/TLPT-HS ngày 08 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo Phạm Văn S và các bị cáo khác, do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công và kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn Q đối với bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HS-ST ngày 27/02/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

* *Bị cáo không kháng cáo, có kháng nghị:*

1. Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 26/5/1993 tại tỉnh Thái Nguyên.

Đăng ký thường trú và chỗ tại xóm CS, xã TT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp công nhân; trình độ văn hóa lớp 9; dân tộc Kinh; giới tính Nam; không theo tôn giáo nào; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Đinh Thị M; chưa có vợ con; không tiền án, tiền sự; không bị giam giữ ngày nào, nay tại ngoại; có mặt.

2. Phạm Văn S, sinh ngày 28/6/1999 tại tỉnh Thái Nguyên.

Đăng ký thường trú và chỗ tại xóm BL, xã VS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp công nhân; trình độ văn hóa lớp 12; dân tộc Kinh; giới tính Nam; không theo tôn giáo nào; quốc tịch Việt Nam; con ông Phạm Văn N và bà Hoàng Thị T; chưa có vợ con; không tiền án, tiền sự; không bị giam giữ ngày nào, nay tại ngoại; có mặt.

* *Bị cáo có kháng cáo và kháng nghị:*

3. Đỗ Văn Q, sinh ngày 15/11/1990 tại tỉnh Thái Nguyên.

Đăng ký thường trú và chỗ tại xóm TB, xã PT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp công nhân; trình độ văn hóa lớp 9; dân tộc Sán dìu; giới tính Nam; không theo tôn giáo nào; quốc tịch Việt Nam; con ông Đỗ Văn T (còn có họ tên khác là Lê Văn Tâm) và bà Lý Thị T1; có vợ là Liễu Thị V và 02 con; không tiền án, tiền sự; không bị giam giữ ngày nào, nay tại ngoại; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án này còn có 02 bị cáo không kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn S, Đỗ Văn Q là công nhân xưởng 3 của Công ty trách nhiệm hữu hạn SRTECH đóng trên địa bàn phường BQ, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên. Trong quá trình làm việc, Đ thấy việc Công ty quản lý lỏng lẻo màn hình điện thoại sản xuất ra nên khoảng đầu tháng 7/2018 Đ đã rủ S và Q lấy trộm màn hình điện thoại đem ra ngoài bán lấy tiền chia nhau được S và Q, Đ ý. Trưa ngày 21/8/2018 trong lúc đi ăn cơm thì Đ hỏi S "có lấy hàng không", ý hỏi có lấy trộm màn hình điện thoại không, S trả lời "có". Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, Đ đi đến cuối dây chuyền và ngồi xuống để lấy trộm màn hình điện thoại. Lúc này Q nhìn thấy Đ và hiểu ý nên đã đi đến gần một công nhân đang làm việc ở gần đó giả vờ nói chuyện mục đích che chắn đánh lạc hướng để cho Đ lấy trộm. Đ lấy trộm được 06 chiếc màn hình điện thoại Sam sung loại J810 từ khay nhựa trên bàn cho vào cạp quần sau đó đi ra phòng vệ sinh ở trong xưởng, trên đường đi Đ ra ám hiệu cho S biết, S hiểu ý là Đ đã lấy trộm được màn hình điện thoại nên đã đi theo Đ vào nhà vệ sinh. Đ đưa cho S 06 màn hình điện thoại vừa trộm cắp rồi đi làm việc, còn S cho 06 màn hình điện thoại vào chiếc túi ni lon rồi đem vào phòng Feedback cạnh phòng vệ sinh treo giấu ở lỗ hổng ở sau ổ điện, sau đó S về vị trí làm việc. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, với thủ đoạn như trên, Q tiếp tục che chắn cho Đ lấy trộm thêm 12 chiếc màn hình điện thoại loại J810 đem vào nhà vệ sinh giao cho S, sau đó S đem vào phòng Feedback cất giấu cùng túi ni lon đựng 06 màn hình điện thoại S cất dấu trước đó. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, qua theo dõi camera giám sát trong xưởng 3, bộ phận quản lý nhân sự của Công ty nghi vấn Đ, S và Q trộm cắp màn hình điện thoại nên đã mời đến phòng nhân sự để làm việc, Đ thời thu giữ 18 chiếc màn hình điện thoại loại J810 mà S cất dấu trong phòng Feedback của xưởng 3.

Quá trình điều tra, ngoài lần trộm cắp bị phát hiện ngày 21/8/2018 như nêu trên thì Đ, S, Q còn tự thú ra nhiều lần trộm cắp màn hình điện thoại nhãn hiệu Sam sung của Công ty sản xuất ra rồi mang ra ngoài tiêu thụ lấy tiền chia nhau, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng giữa tháng 7/2018, vào một buổi làm ca đêm, cũng với phương thức thủ đoạn như nêu trên, Q che chắn cho Đ lấy trộm 30 chiếc màn hình điện thoại nhãn hiệu Sam sung J810 rồi đem vào nhà vệ sinh trong

xưởng đưa cho S rồi S nhận đem vào phòng Feedback cất giấu. Khi S đang định đưa túi màn hình điện thoại ra ngoài xưởng thì bị Hoàng Minh L cũng là công nhân của Công ty nhìn thấy. Do sợ bị L tố giác nên S rủ Lễ tham gia, Đ thời bảo L lựa thời điểm lấy số màn hình trên mang đi cất giấu, đến khi hết ca làm việc thì đem ra ngoài Công ty đưa cho S để mang đi bán lấy tiền chia đôi, Lễ Đ ý. Khoảng 3 giờ 30 phút cùng ngày, lợi dụng việc ra ngoài xưởng kiểm tra khí ni tơ, L đi đến chỗ cửa sổ phía sau ổ điện của phòng Feedback quan sát không có người rồi dùng tay lấy số màn hình điện thoại mà S cất giấu ở đó đem đến cất giấu ở chân tường nhà của xưởng 3 cách đó khoảng 10m, sau đó L vào xưởng làm việc và nói cho S về việc cất giấu số màn hình trên. Khoảng 6 giờ 30 phút cùng ngày, khi hết ca làm, Lễ lấy túi điện thoại cho vào cặp mang ra khỏi Công ty. Khoảng 8 giờ cùng ngày, S hết ca làm rồi gọi điện hẹn gặp Lễ ở cổng nghĩa trang liệt sỹ phường BQ. Tại đây Lễ đưa cho S túi đựng 30 chiếc màn hình điện thoại rồi cùng S đem bán được 35.000.000đ, S chia cho Lễ 17.000.000đ. Còn Đ và Q, đến khoảng 6 giờ 30 phút cùng ngày, Đ đến chỗ S cất giấu 30 chiếc màn hình điện thoại để lấy đem đi bán nhưng không thấy, Đ gọi cho S thì S nói là không biết, Đ và Q nghĩ ai đó đã lấy nên không ai nói gì nữa.

Lần thứ hai: Chiều 16/8/2018 Đ lấy trộm được 24 chiếc màn hình điện thoại Sam sung J810, Q lấy trộm được 06 chiếc màn hình điện thoại Sam sung J810 rồi cùng nhau đưa cho S tại phòng vệ sinh xưởng 3 để S đem vào phòng Feedback cất giấu. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày Đ đến lấy số màn hình điện thoại trên đem đi bán được 36.000.000đ, Đ chia cho S và Q mỗi người 12.000.000đ.

Lần thứ ba: Chiều 18/8/2018 Đ lấy trộm được 18 chiếc màn hình điện thoại Sam sung J810, Q lấy trộm được 12 chiếc màn hình điện thoại Sam sung J810 rồi cùng nhau đưa cho S tại phòng vệ sinh xưởng 3 để S đem vào phòng Feedback cất giấu. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày Đ đến lấy số màn hình điện thoại trên đem đi bán được 36.000.000đ, Đ chia cho S và Q mỗi người 12.000.000đ.

Lần thứ tư: Chiều 20/8/2018 Đ lấy trộm được 36 chiếc màn hình điện thoại Sam sung J810, Q lấy trộm được 06 chiếc màn hình điện thoại Sam sung J810 rồi cùng nhau đưa cho S tại phòng vệ sinh xưởng 3 để S đem vào phòng Feedback cất giấu. Cũng ngày hôm đó, khoảng 7 giờ 30 phút trong khi làm việc Triệu Văn L1 là công nhân ở bộ phận sửa chữa thiết bị trong xưởng 3 do trước đó có nhờ Đ, S tiêu thụ màn hình điện thoại nên L1 đã lấy trộm được 07 chiếc màn hình điện thoại di động Sam sung (trong đó có 03 chiếc loại A605 và 04 chiếc loại J810) mang ra ngoài Công ty đưa cho S nhờ tiêu thụ. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày Đ đem 49 chiếc màn hình điện thoại nêu trên bán được 60.000.000đ. Đ về nói sẽ chia cho Q 15.000.000đ nhưng chưa đưa tiền cho Q, chia cho S 23.000.000đ (bao gồm cả tiền bán hộ L1 07 chiếc màn hình điện thoại) nhưng Đ mới đưa cho S 10.000.000đ. Sau đó S đưa cho Lý 5.600.000đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 49 ngày 29/8/2018 của Hội Đ định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Sông Công kết luận: Giá trị của 64 chiếc màn hình điện thoại di động loại J810 (bao gồm: 04 chiếc màn hình do Lý trộm cắp ngày 20/8/2018, 42 chiếc màn hình do Đ, Q, S trộm cắp ngày 20/8/2018 và 18 chiếc màn hình do Đ, Q, S trộm cắp ngày 21/8/2018) có giá trị là 76.800.000đ; 03 chiếc màn hình điện thoại loại A605 do Lý trộm cắp ngày 20/8/2018 có giá trị là 4.500.000đ.

Tại các bản kết luận số 52, 53, 54 ngày 10/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Sông Công kết luận: Giá trị 30 chiếc màn hình điện thoại di động loại J810 do Đ, Q, S và L trộm cắp trong tháng 7/2018 có giá trị là 36.000.000đ; giá trị 30 chiếc màn hình điện thoại di động loại J810 do Đ, Q, S trộm cắp ngày 16/8/2018 có giá trị là 36.000.000đ; giá trị 30 chiếc màn hình điện thoại di động loại J810 do Đ, Q, S trộm cắp ngày 18/8/2018 có giá trị là 36.000.000đ.

Các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm xác định: Từ giữa tháng 7/2018 đến ngày 21/8/2018 tại Công ty trách nhiệm hữu hạn SRTECH đóng trên địa bàn phường Bách Quang, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn S, Đỗ Văn Q, Triệu Văn L1, Hoàng Minh L là công nhân của Công ty đã trộm cắp của Công ty tổng số 157 chiếc màn hình điện thoại (có 18 chiếc bị phát hiện thu hồi) với tổng giá trị là 189.300.000đ, trong đó Đ trực tiếp lấy trộm 126 chiếc, Q trực tiếp lấy trộm 24 chiếc, Lý trực tiếp lấy trộm 07 chiếc, còn S tham gia giúp sức Đ, Q tất cả các lần trộm cắp bằng cách mang điện thoại ra khỏi Công ty để giao cho Đ đem đi bán lấy tiền chia nhau, Lễ tham gia giúp sức S đem ra khỏi Công ty một lần 30 chiếc màn hình điện thoại.

Trong giai đoạn điều tra, các bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong cho Công ty tổng số tiền 167.700.000đ, trong đó Đ bồi thường 65.400.000đ, S bồi thường 52.000.000đ, Q bồi thường 24.000.000đ, Lễ bồi thường 17.000.000đ, Lý bồi thường 9.300.000đ. Công ty trách nhiệm hữu hạn SRTECH không có yêu cầu gì thêm và có văn bản xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Với hành vi trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HS-ST ngày 27/02/2019 Tòa án nhân dân thành phố Sông Công đã quyết định:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn S, Đỗ Văn Q;

- Xử phạt Nguyễn Văn Đ 42 (bốn hai) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Xử phạt Phạm Văn S 36 (ba sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Xử phạt Đỗ Văn Q 36 (ba sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với hai bị cáo Hoàng Minh L và Triệu Minh L1, quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Tại các Quyết định kháng nghị 01/QĐ-VKS ngày 13/3/2019 và Quyết định bổ sung kháng nghị số 02/QĐ-VKS ngày 26/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công đã kháng nghị và bổ sung kháng nghị đối với bản án hình sự sơ thẩm nêu trên, đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng: Không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "người phạm tội tự thú" theo điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với ba bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn S, Đỗ Văn Q.

Ngày 13/3/2019 bị cáo Đỗ Văn Q kháng cáo với nội dung xin giảm hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên xin rút phần nội dung kháng nghị không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với ba bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn S, Đỗ Văn Q; giữ nguyên phần nội dung bổ sung kháng nghị đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "người phạm tội tự thú" theo điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với ba bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn S, Đỗ Văn Q. Từ đó đại diện Viện kiểm sát đề nghị giảm một phần hình phạt cho ba bị cáo, xử phạt Nguyễn Văn Đ từ 30 đến 36 tháng tù, Phạm Văn S từ 24 đến 30 tháng tù, Đỗ Văn Q từ 24 đến 30 tháng tù với lý do ngoài lần phạm tội bị phát hiện thì cả ba bị cáo còn tự thú ra các lần phạm tội trước đó mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng cho ba bị cáo.

Đối với bị cáo Đỗ Văn Q, tại phiên toà phúc thẩm giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm hình phạt với lý do đã bồi thường xong cho bị hại, hoàn cảnh khó khăn, bố bỏ đi từ khi bị cáo còn nhỏ, bị cáo hiện sống cùng ông nội là Lê Văn Vòng là người có công cách mạng được tặng thưởng nhiều Huân chương kháng chiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội Đ xét xử nhận định như sau:

[1] Có đủ căn cứ kết luận: Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn S, Đỗ Văn Q, Hoàng Minh L, Triệu Văn L1 đều là công nhân Công ty trách nhiệm hữu hạn SRTECH đóng trên địa bàn phường BQ, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên. Trong quá trình làm việc, Đ thấy việc màn hình điện thoại di động Công ty sản xuất ra quản lý lỏng lẻo nên Đ đã rủ S và Q lấy trộm mang ra ngoài bán lấy tiền chia nhau. Ngày 21/8/2018 Q che chắn cho Đ lấy trộm 18 chiếc màn hình điện thoại Sam sung loại J810 tại cuối dây chuyền của xưởng 3 đưa cho S đem vào

phòng Feedback cất giấu ở lỗ hổng sau ổ điện thì bị bộ phận quản lý nhân sự của Công ty phát hiện qua camera giám sát.

Quá trình điều tra, ngoài lần trộm cắp bị phát hiện nêu trên thì Đ, S, Q còn tự thú ra nhiều lần trộm cắp màn hình điện thoại của Công ty sản xuất ra rồi mang đi bán lấy tiền chia nhau, Đ thời tố giác hành vi phạm tội của Hoàng Minh Lễ và Đ phạm Triệu Minh L1 cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng giữa tháng 7/2018, vào một buổi làm ca đêm, Q che chắn cho Đ lấy trộm 30 chiếc màn hình điện thoại đưa cho S đem vào phòng Feedback cất giấu. Lần này S và Hoàng Minh Lễ lấy đem bán được tiền chia nhau, sau đó S nói dối Đ và Q là không biết ai lấy mất nên không chia tiền cho S và Q.

Lần thứ hai: Chiều 16/8/2018 Đ lấy trộm được 24 chiếc màn hình điện thoại, Q lấy trộm được 06 chiếc màn hình điện thoại đưa cho S đem vào phòng Feedback cất giấu. Sau đó Đ đến lấy đem đi bán lấy tiền chia nhau tiêu sài hết.

Lần thứ ba: Chiều 18/8/2018 Đ lấy trộm được 18 chiếc màn hình điện thoại, Q lấy trộm được 12 chiếc màn hình điện thoại đưa cho S đem vào phòng Feedback cất giấu. Sau đó Đ đến lấy đem đi bán lấy tiền chia nhau tiêu sài hết.

Lần thứ tư: Chiều 20/8/2018 Đ lấy trộm được 36 chiếc màn hình điện thoại, Q lấy trộm được 06 chiếc màn hình điện thoại rồi đưa cho S đem vào phòng Feedback cất giấu. Cũng ngày hôm đó, Triệu Văn L1 lấy trộm được 07 chiếc màn hình điện thoại mang ra ngoài Công ty đưa cho S nhờ S, Đ đem đi tiêu thụ.

Tổng số màn hình điện thoại Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn S, Đỗ Văn Q, Triệu Văn L1, Hoàng Minh L trộm cắp của Công ty là 157 chiếc (có 18 chiếc bị phát hiện thu hồi vào ngày 21/8/2018) với tổng giá trị là 189.300.000đ. Trong đó Đ, S, Q phải chịu trách nhiệm hình sự về trị giá tài sản chiếm đoạt là 180.000.000đ, Lễ phải chịu trách nhiệm hình sự về trị giá tài sản chiếm đoạt là 36.000.000đ (trong tổng số 180.000.000đ) với vai trò giúp sức, Lý phải chịu trách nhiệm hình sự về trị giá tài sản chiếm đoạt là 9.300.000đ.

Do đó, ba bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn S, Đỗ Văn Q bị Tòa án cấp sơ thẩm quy kết về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "người phạm tội tự thú" theo điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với ba bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn S, Đỗ Văn Q, kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn Q và đề nghị giảm hình phạt cho ba bị cáo Đ, S, Q của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa hôm nay, Hội Đ xét xử thấy rằng:

Ngoài lần trộm cắp 18 chiếc màn hình điện thoại chưa kịp mang ra ngoài Công ty bị phát hiện ngày 21/8/2018 đã thu hồi được thì quá trình điều tra, Đ, S, Q còn tự thú ra bốn lần trộm cắp màn hình điện thoại của Công ty trước đó. Do

đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "phạm tội 02 lần trở lên" nhưng lại không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "người phạm tội tự thú" theo điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với ba bị cáo Đ, S, Q như kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công là có căn cứ; nay cấp phúc thẩm cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với ba bị cáo cho đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm vấn công khai tại phiên tòa còn thể hiện: Quá trình điều tra, các bị cáo còn tố giác Đ phạm Hoàng Minh L và phát hiện người phạm tội là Triệu Minh L1 nhưng những tình tiết này cấp sơ thẩm cũng chưa xem xét cho ba bị cáo; hơn nữa ngay từ giai đoạn điều tra các bị cáo cũng đã tự nguyện bồi thường xong cho Công ty những thiệt hại mà các bị cáo tự thú khai ra và được đơn vị bị hại xin giảm nhẹ cho các bị cáo.

Xét tại cấp phúc thẩm, ba bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm chưa xem xét áp dụng và theo quy định tại đoạn hai điểm d khoản 1 Điều 3 Bộ luật Hình sự về "nguyên tắc xử lý" thì đây là tình tiết được khoan hồng nên có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên là giảm một phần hình phạt cho ba bị cáo nhằm động viên các bị cáo cải tạo tốt để sớm trở về với gia đình và xã hội.

[3] Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị cấp phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công và kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn Q, sửa bản án sơ thẩm như sau:

1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn S, Đỗ Văn Q;

- Xử phạt Nguyễn Văn Đ 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Xử phạt Phạm Văn S 30 (ba mươi) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Xử phạt Đỗ Văn Q 30 (ba mươi) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về án phí: Cả ba bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn S, Đỗ Văn Q không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND TP Sông Công;
- VKSND TP Sông Công;
- Công an TP Sông Công;
- T.H.A.DS TP Sông Công;
- Các bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án và Toà án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Văn Hiển